TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 587/2020/DS-PT
Ngày 06 - 11 - 2020
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản; yêu cầu về việc mở lối đi chung và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản; yêu cầu về việc mở lối đi chung và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2113/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1936.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Đ: Ông Hồ Văn V, sinh năm 1970. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn M, sinh năm 1951. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Hữu Nh và ông Đỗ Đăng Th - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Hồ Văn X, sinh năm: 1953. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

2/. Ông Hồ Văn Kh, sinh năm 1966. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

3/. Ông Hồ Văn Th, sinh năm 1977. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn Th: Ông Hồ Văn V, sinh năm 1970. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

4/. Bà Ngô Diệu L, sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

5/. Ông Hồ Văn G, sinh năm 1982. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

6/. Bà Hồ Thị Nh, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp X, xã L, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

7/. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1967. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

8/. Ủy ban nhân dân thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ trụ sở: đường 30/4, Khóm 1, Phường 1, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã V1: Ông Sơn Ngọc Th - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã V1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Ủy ban nhân dân thị xã V1: Ông Trần Văn T - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Hồ Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Trần Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền của bà Đ là ông Hồ Văn V trình bày như sau:

Bà Trần Thị Đ có diện tích đất 2.849 m^2 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện V1 (nay là thị xã V1) cấp ngày 10/6/1997 (cấp cho hộ bà Trần Thị Đ). Nguồn gốc phần đất này là của cha chồng bà Đ là ông Hồ Văn H cho chồng bà là ông Hồ Văn Th từ trước năm 1975. Thời gian đầu sử dụng trồng lúa và có đào con mương để thoát nước. Sau đó thì cải tạo lại trồng cây, cất nhà ổn định trên đất. Đến năm 1981, thời kỳ trang trải đất theo

khẩu phần trong gia đình thì Nhà nước cấp cho bà Đ làm ổn định, cho đến năm 1997, Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Đ. Giáp với thửa đất số 68 của bà Đ về hướng Đông là đất của ông Võ Văn T, chồng bà Đ là ông Hồ Văn Th có đào một con mương rộng khoảng 2m, chạy dài từ kênh bờ bao vào đến đất của ông Hồ Văn M (em ruột ông Hồ Văn Th) để tháo, xổ nước và lấy đất lên bờ trồng dừa và các loại cây khác, ông Hồ Văn Th có cho ông Hồ Văn M mượn con mương thoát nước để sử dụng vì gia đình bà đã lên đất để trồng dừa và các loại cây khác nên không cần xổ nước nữa nhưng hằng năm vẫn lấy đất lên bồi các gốc dừa. Đến năm 1991, ông Hồ Văn Th chết. Năm 2005, gia đình bà Đ cải tạo thửa đất số 68 để làm ao nuôi tôm, do thấy việc đi lại của ông M từ nhà ra đê khó khăn nên năm 2007 bà Đ và các con của bà Đ đã cho ông Hồ Văn M đi nhờ trên bờ đất này.

Đến ngày 26/12/2016, ông Hồ Văn M tự làm tờ thỏa thuận và buộc con của bà là Hồ Văn G ký, nội dung là gia đình bà Đ cho ông M con đường mương và đường đi vĩnh viễn, bà Đ không đồng ý cho ông G ký thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp. Ông Hồ Văn M đã gửi đơn đến Tổ hòa giải ấp N để yêu cầu giải quyết buộc ông G phải ký thỏa thuận. Tổ hòa giải không nhất trí nên hòa giải không thành. Đến tháng 02/2017, ông M gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã V yêu cầu hòa giải nhưng hòa giải không thành, sau đó ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 68 nhưng sau đó ông M rút lại đơn khởi kiện. Đến ngày 24/3/2018, ông Hồ Văn M cho xe cuốc vào cuốc phá đường mương và cây cối gồm 02 cây me trồng trên 40 năm và một số cây tạp trên phần bờ mà bà Đ đã cho ông M mượn. Gia đình bà Đ có ngăn cản nhưng ông M đã thuê trên 20 người bảo vệ cho xe cuốc phá con mương thoát nước. Qua ngày hôm sau, ông M tiếp tục cho xe cuốc lấn chiếm phần đất phía Nam làm ảnh hưởng mồ mã và cây trồng. Bà Trần Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Hồ Văn M phải trả lại cho gia đình bà Trần Thị Đ diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 483,1m^2 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng đất có vị trí, tứ cận:

- Hướng Đông giáp thửa 58 của ông Võ Văn T (Võ Văn M) có số đo 64,52m + 7,37m;

- Hướng Tây giáp thửa số 68 của bà Trần Thị Đ có số đo 71,7m;

- Hướng Nam giáp thửa 123 của ông Hồ Văn M có số đo 3,79m + 2,82m;

- Hướng Bắc giáp kênh bờ bao có số đo 1,93m + 5,01m.

Buộc ông Hồ Văn M bồi thường 02 cây me với số tiền 12.000.000 đồng.

Tại Đơn xin rút yêu cầu lập ngày 03/9/2019, bà Trần Thị Đ xin rút lại yêu cầu buộc ông Hồ Văn M phải trả lại cho gia đình bà Trần Thị Đ diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 483,1m^2 thuộc thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

Phía nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Hồ Văn Mười, về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy

ban nhân dân huyện V1 (thị xã V1) đã cấp cho hộ bà Trần Thị Đ đối với diện tích đất có tranh chấp là 483,1m^2, công nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp là của ông M và buộc bà Đ trả lại diện tích đất trên cho ông M. Đồng thời, không đồng ý cho ông M sử dụng nhờ phần đất tranh chấp để làm lối đi ra đường công cộng và lấy nước, xổ nước.

Bị đơn ông Hồ Văn M trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp giữa ông Hồ Văn M và bà Trần Thị Đ là của cha mẹ ông Hồ Văn M là ông Hồ Văn H và bà Lâm Thị Q để lại. Trước năm 1975, cha mẹ của ông M có đắp một lối đi và đào con mương để vận chuyển lúa khi thu hoạch và con mương để cấp thoát nước làm ruộng. Sau năm 1975, cha mẹ của ông M có chia phần đất ruộng cho anh của ông M là Hồ Văn Th (chồng bà Trần Thị Đ) ở phía trước giáp với kênh bờ bao, phần còn lại cha mẹ của ông M chia cho ông M, ở phía sau giáp với đất của ông Th có lối đi duy nhất mà những người sống lân cận đều biết. Tháng 10/2016, Nhà nước có chủ trương đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông phát hiện bà Trần Thị Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997 đã bao trùm lên phần đất dùng làm lối đi và con mương thoát nước mà ông M đã sử dụng trên 40 năm theo kết quả đo đạc thực tế là 483,1m^2 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng. Ông M đồng ý bồi thường cho bà Đ giá trị 02 cây me bị chết với số tiền là 500.000 đồng. Đồng thời, ông Hồ Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện V1 (thị xã V1) đã cấp cho hộ bà Trần Thị Đ đối với diện tích đất có tranh chấp là 483,1m^2, công nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp là của ông M và buộc bà Đ trả lại diện tích đất tranh chấp cho ông M.

Tại phiên tòa, ông M thừa nhận phần đất tranh chấp có diện tích 483,1m^2 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Đ. Ông M thay đổi một phần yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được sử dụng lối đi và đường cấp, thoát nước là phần đất đang tranh chấp với bà Đ để đi ra đường giao thông công cộng và lấy nước, thoát nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Văn X, Hồ Văn V, Hồ Văn Kh, Hồ Văn G, bà Ngô Diệu L, bà Hồ Thị L, bà Hồ Thị Nh trình bày:

Các ông bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Đ. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ và không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông M.

Tại Công văn số 516/UBND-NC ngày 12/3/2019, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã V1 trình bày:

Việc Ủy ban nhân dân huyện V1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/6/1997 cho hộ bà Trần Thị Đ đối với thửa đất số 68, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng là đúng trình tự, thủ tục và đối tượng theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận. Vào thời điểm Ủy ban nhân dân huyện V1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị Đ là cấp đại trà, theo bản đồ không ảnh và đơn kê khai đăng ký quyền sử dụng đất

của hộ dân được Hội đồng đăng ký đất đai cấp xã xét duyệt (không có đo đạc thực tế và tứ cận ký xác nhận mốc ranh giới). Việc Ủy ban nhân dân huyện V1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị Đ là cấp cho hộ gia đình trực tiếp sử dụng đất. Thời điểm cấp giấy chứng nhận trong hộ có bao nhiêu thành viên thì không xác định được do đây là thời điểm cấp đại trà.

Người làm chứng Lê Văn H1 trình bày:

Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là của ông Hồ Văn H cho con là ông Hồ Văn Th (chồng bà Đ), khi cho đất rừng tạp, sau đó vợ chồng ông Th, bà Đ khai phá đến năm 1971 thì trồng lúa. Khi sinh ra và lớn lên ông M sinh sống ở nơi khác, đến năm 1975 thì ông M mới về ấp N, xã V sinh sống. Vào năm 1981, Nhà nước có chủ trương trang trải đất đai, gia đình bà Đ được chính quyền cấp sử dụng cả thửa đất trên bao gồm cả con mương và đường đi (phần đất tranh chấp) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp vào năm 1997. Năm 2007, bà Đ cho ông M đi nhờ và lấy nước nhờ trên phần đất có tranh chấp.

Người làm chứng Lâm Quang Tr trình bày: Ông Tr có lời làm chứng xác định nguồn gốc như ông Lê Văn H1 trình bày, đồng thời xác định con mương thuộc phần đất tranh chấp thì trước đây gia đình bà Đ có cho ông M lấy nước để làm ruộng, còn đường đi thuộc phần đất tranh chấp thì ông Th đã lên líp trồng cây, ai có đi thì đi theo mé hàng dừa.

Người làm chứng Võ Văn M, ông Lê Văn N, bà Lê Thị L trình bày:

Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là của bà ngoại là ông Hồ Văn H (không nhớ tên bà ngoại) cho vợ chồng cậu, mợ ông Hồ Văn Th, bà Trần Thị Đ. Bà Đ đã quản lý, sử dụng phần đất này 27 năm (ông Th chết 27 năm). Trước đây ông M có đi nhờ trên đất của bà Đ nhưng không phải phần đất tranh chấp. Cách đây khoảng 10 năm thì bà Đ dời nhà, thuê xe cuốc ủi đất trên thửa đất số 68 và có cho gia đình ông M đi nhờ trên phần đất đang tranh chấp. Hiện nay, ông Mới có phần đất giáp ranh với phần đất tranh chấp giữa bà Đ và ông M. Ông M đi nhờ trên đất của ông Lý Đực Nh hoặc đất ông Võ Văn Khải để ra đường giao thông công cộng.

Người làm chứng Trần Trung Th trình bày: Con mương và đường đi thuộc phần đất tranh chấp giữa bà Đ và ông M đã được hình thành từ lâu khi ông H còn sống. Sau năm 1975, ông M về ấp N, xã V sinh sống và cất nhà thì ông M đã đi từ đó cho đến nay. Ông Thương không rõ về nguồn gốc của phần đất tranh chấp. Sau khi hai bên xảy ra tranh chấp, gia đình ông M phải đi đường khác khó khăn hơn để ra đường giao thông công cộng.

Người làm chứng Lý Đực Nh trình bày: Con mương và đường đi thuộc phần đất tranh chấp giữa bà Đ và ông M có nguồn gốc là của ông Hồ Văn H. Ông H cùng các con sử dụng phần đất này từ trước tiếp thu (năm 1975). Sau ông H chết thì giao lại cho ông M sử dụng và phía bà Đ cũng có sử dụng, ông M sử dụng nhưng có quản lý không thì ông Nh không rõ. Hiện nay, sau khi hai bên xảy ra tranh chấp, gia đình bà Đ không cho gia đình ông M sử dụng phần đất tranh chấp để đi ra

đường giao thông công cộng, nên ông Nh có cho gia đình ông M đi nhờ qua đất của ông Nh.

Người làm chứng Nguyễn Thị L trình bày: Con mương và đường đi thuộc phần đất tranh chấp giữa bà Đ và ông M có nguồn gốc là của cha chồng bà L là ông Hồ Văn H, cả gia đình cùng sử dụng từ trước năm 1975 cho đến nay. Sau ông H chết thì giao lại cho ông M sử dụng.

Người làm chứng Trịnh Văn C trình bày như sau: Con mương và đường đi thuộc phần đất tranh chấp giữa bà Đ và ông M có nguồn gốc là của ông Hồ Văn H. Ông H cùng các con sử dụng có đào con mương và lấy đất lên làm bờ làm đường đi từ năm 1954 cho đến nay. Sau ông H chết thì giao lại cho ông M sử dụng. Hiện nay, sau khi hai bên xảy ra tranh chấp, gia đình bà Đ không cho gia đình ông M sử dụng phần đất tranh chấp để đi ra đường giao thông công cộng, nên gia đình ông M đi nhờ qua đất của ông Nh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019, Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 34, Điều 161, Điều 165, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 584, 585, 589 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); khoản 4, khoản 5 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ, về việc yêu cầu bị đơn ông Hồ Văn M giao trả phần đất có diện tích 483,1m^2 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

2/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ, về việc yêu cầu bị đơn Hồ Văn M bồi thường thiệt hại về tài sản.

Buộc bị đơn ông Hồ Văn M có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn bà Trần Thị Đ số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hồ Văn M, về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 483,1m^2 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng *(kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 20/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng)* là của ông Hồ

Văn M, buộc bà Trần Thị Đ giao trả phần đất tranh chấp cho ông M và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện V1 (thị xã V1) cấp ngày 10/6/1997 cho hộ bà Trần Thị Đ đối với phần đất tranh chấp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/9/2019, bị đơn ông Hồ Văn M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hồ Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông M, xác định phần diện tích đất 483,1m^2 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng là đường đi chung; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Trần Thị Đ đối với phần diện tích đất nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Văn M trình bày: Việc UBND huyện V1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp cho bà Đ là không đúng. Ông M có quyền có lối đi qua. Tòa sơ thẩm không xem xét quyền này cho ông M là thiếu sót nên đề nghị Hội đồng xem xét phản tố của ông M, ông M chấp nhận bồi thường làm chết hai cây me và 500 nghìn đồng cho bà Đ. Cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng dân sự, ông M có làm đơn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nhưng Tòa án sơ thẩm không xem xét 02 quyết định này. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo bị đơn ông Hồ Văn M, hủy một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hồ Văn M làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hồ Văn M phải trả lại diện tích đất 483,1m^2 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng và bồi thường giá trị 02 cây me trên đất. Tại đơn xin rút yêu cầu ngày 03/9/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đ rút lại yêu cầu khởi kiện buộc ông M trả lại diện tích đất 483,1m^2 nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 244 đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy

định pháp luật.

Đối với yêu cầu buộc ông Hồ Văn M bồi thường giá trị 02 cây me trên đất, ông Hồ Văn M thừa nhận việc ủi đất làm chết 02 cây me của bà Đ và đồng ý bồi thường. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ kết quả định giá, buộc ông M bồi thường cho bà Đ 500.000 đồng giá trị 02 cây me là có căn cứ.

[2.2] Quá trình xét xử sơ thẩm, ngày 20/8/2018, bị đơn ông Hồ Văn M có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Trần Thị Đ đối với phần diện tích đất tranh chấp và công nhận quyền sử dụng đất cho ông. Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án số 108/TB-TLVA ngày 25/9/2018, thụ lý yêu cầu phản tố nêu trên của ông M.

Ngày 09/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 1014/TB-TLVA xác định ông M yêu cầu đề nghị công nhận phần diện tích đất tranh chấp là đường đi chung và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Đ. Tại Thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 1015/TB-TLVA ngày 20/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng cũng xác định nội dung yêu cầu phản tố của ông M như trên.

Tại Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/9/2019, ngày 25/3/2019, ngày 24/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thông báo nội dung yêu cầu của ông Hồ Văn M là đề nghị công nhận phần diện tích đất tranh chấp là đường đi chung và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Đ đối với phần đường đi chung này. Tuy nhiên, các phiên hòa giải này không thực hiện được do thiếu sự tham gia của các đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M trình bày đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp là đường đi chung. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng việc thay đổi nội dung yêu cầu của ông M là vượt quá phạm vi yêu cầu phản tố ban đầu, từ đó không xem xét yêu cầu của ông M là không có cơ sở. Bởi lẽ, yêu cầu về việc công nhận đường đi chung của ông M đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý theo Thông báo số 1014/TB-TLVA ngày 09/10/2018 và Thông báo số 1015/TB-TLVA ngày 20/6/2019 như đã nêu ở trên. Việc ông M thay đổi yêu cầu phản tố được đưa ra trước các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án cấp sơ thẩm, chứng minh bằng việc tại các Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án cấp sơ thẩm đều xác định nội dung yêu cầu này của ông M. Việc ông M thay đổi yêu cầu phản tố đảm bảo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu này của đương sự là không đúng quy định pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy một phần bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại đối với yêu cầu phản tố của ông Hồ Văn M.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn M có căn cứ chấp nhận một phần; cần hủy một phần bản án sơ thẩm như đã phân tích ở trên.

[3] Về án phí: Do hủy một phần bản án sơ thẩm nên ông Hồ Văn M không

phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng của ông Hồ Văn M (nếu có) sẽ được xem xét trong quá trình giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn M.

I/. Giữ nguyên các nội dung sau của Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng:

1/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ, về việc yêu cầu bị đơn ông Hồ Văn M giao trả phần đất có diện tích 483,1m^2 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

2/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ, về việc yêu cầu bị đơn Hồ Văn M bồi thường thiệt hại về tài sản.

Buộc bị đơn ông Hồ Văn M có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn bà Trần Thị Đ số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

II/. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết yêu cầu phản tố của ông Hồ Văn M.

Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo quy định pháp luật.

III/. Về án phí:

- Án phí dân sự, chi phí tố tụng sơ thẩm: Bà Trần Thị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng của ông Hồ Văn M (nếu có) sẽ được xem xét trong quá trình giải quyết lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Hồ Văn M 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001420 ngày 07/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

IV/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

V/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- ĐS (10);
- Lưu VP(3), HS(2). 20b.TTPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng